

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2018
V/v ly hôn giữa
chị H và anh Th

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Sơn;

Ông Nguyễn Thành Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm 3, Phú Lễ, xã HC, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1991. Địa chỉ: Xóm 3, Phú Lễ, xã HC, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/3/2017, bản tự khai ngày 16/11/2017 và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn với anh Đỗ Văn Th ngày 04/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện HH, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và làm việc tại Hà Nội. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có cùng quan điểm sống nên dẫn đến cãi nhau, đôi khi anh Th còn đánh chửi chị H. Vì vậy, hai người đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2015 cho đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th không còn nên làm đơn xin ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị H và anh Th có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Hương Giang, sinh ngày 02/8/2011, hiện cháu Giang đang ở cùng anh Th và bố mẹ anh Th. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng để cháu Giang cho anh Th nuôi dưỡng và cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Th là 1.500.000đ/ tháng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 21/02/2018, bị đơn anh Đỗ Văn Th trình bày: Anh Th và chị H kết hôn đã hơn 7 năm. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Hương Giang, sinh ngày 02/8/2011. Trong thời gian anh Th đi xuất khẩu lao động bên Nga thì chị H đã gọi điện sang để xin ly hôn. Anh Th có giải thích nhưng chị H không nghe, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị H trình bày là không đúng. Do không tin tưởng chị H nên khi ly hôn, anh Th nhận nuôi cháu Giang và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngoài ra, anh Th không trình bày gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đỗ Văn Th vắng mặt không có lý do,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Văn Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị Nguyễn Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Th, chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

đăng ký kết hôn ngày 04/6/2010. Vợ chồng chị H, anh Th chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có cùng quan điểm sống nên dẫn đến cãi nhau, vợ chồng còn không tin tưởng nhau. Chị H, anh Th đều trình bày vợ chồng đã sống ly thân. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Th.

[3] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh Th đã trầm trọng, chị H, anh Th đã sống ly thân trong thời gian dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh Th có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Hương Giang, sinh ngày 02/8/2011, hiện đang do anh Th nuôi dưỡng.

[5] Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị H, anh Th thì thấy: Anh Đỗ Văn Th có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Giang. Chị H nhất trí để anh Th nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung là cháu Đỗ Thị Hương Giang, sinh ngày 02/8/2011 cho anh Đỗ Văn Th nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị H được quyền thăm con chung không ai được cản trở việc chị H thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Đỗ Văn Th yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con đến khi con chung đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị H đưa ra mức cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/ tháng đến khi con chung thành niên, lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Xét mức cấp dưỡng chị H đưa ra là phù hợp, anh Th không có ý kiến gì, đồng thời chị H không có công việc, thu nhập ổn định nên cần chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng chị H đưa ra là phù hợp pháp luật. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng.

[7] Về tài sản chung và công nợ: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ. Anh Th cũng không có ý kiến gì về tài sản chung và công nợ nên về tài sản chung và công nợ Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn và phải cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 127; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn Th.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Thị Hương Giang, sinh ngày 02/8/2011 cho anh Đỗ Văn Th nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Th là 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 4/2018 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không ai được gây khó khăn cản trở việc chị H đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số AA/2015/0002339 ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Th hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

- Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Sơn

Phạm Văn Thung

Nguyễn Thành Thái

